

PHẠM QUANG LINH*

SINH KẾ CỦA NGƯỜI XTIÊNG Ở KHU VỰC BIÊN GIỚI TỈNH ĐỒNG NAI HIỆN NAY¹

Tóm tắt: *Tại khu vực biên giới Việt Nam - Campuchia thuộc tỉnh Đồng Nai, người Xtiêng là dân tộc thiểu số có dân số đông nên các vấn đề về sinh kế gắn với tộc người này đều có những tác động nhất định tới sự ổn định xã hội, an ninh, quốc phòng của cả khu vực. Người Xtiêng hiện có thu nhập bình quân đầu người ở mức thấp, tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo cao so với bình quân của tỉnh. Do đó, chính quyền và các cấp chức năng cần khuyến khích người Xtiêng tham gia lao động tại các công ty và định hướng họ tích lũy để mua đất trồng trọt, tạo nguồn thu ổn định song song với thu nhập từ tiền lương. Tuy nhiên, về lâu dài cần có giải pháp phù hợp với thực tiễn tộc người và tiềm năng địa phương nhằm mở rộng công tác đào tạo nghề, nâng cao năng lực kinh tế hộ, hỗ trợ tài chính vi mô cho người Xtiêng chủ động hội nhập vào thị trường lao động, vươn lên từ đói nghèo để phát triển bền vững.*

Từ khóa: *Sinh kế, người Xtiêng, khu vực biên giới, tỉnh Bình Phước, tỉnh Đồng Nai.*

Mở đầu

Người Xtiêng là một trong 53 dân tộc thiểu số (DTTS) sinh sống lâu đời tại Việt Nam, cư trú ở các tỉnh Long An², Lâm Đồng..., nhưng chủ yếu ở tỉnh Đồng Nai³, trong đó tập trung khá đông tại khu vực biên giới Việt Nam - Campuchia. Theo kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019, Việt Nam có 100.752 người Xtiêng (chiếm 0,1% dân số cả nước), đứng vào hàng thứ 21 trong bảng danh mục 54 dân tộc ở Việt Nam (Ủy ban Dân tộc, Tổng cục thống kê, 2020). Về dân số người Xtiêng ở Đồng Nai, cán bộ Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh này cho biết: “*Tỉnh Đồng Nai cũ có khoảng 180.000 người DTTS, tỉnh Bình Phước cũ có khoảng 240.000 người DTTS, nên tỉnh Đồng Nai mới hiện tại có khoảng 420.000 người, trong đó người Xtiêng có khoảng hơn 100.000 người, chiếm 1/4 số lượng người DTTS của toàn tỉnh Đồng Nai mới*” (Thảo luận nhóm (TLN) cán bộ Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Đồng Nai, 2025). Tại mỗi địa phương, người Xtiêng cư trú xen kẽ với các tộc người Kinh, Khơ-me (Khmer), Chăm, Mnông...

Phát triển kinh tế - xã hội vùng biên giới, trong đó có vùng biên giới Việt Nam - Campuchia là một trong những nhiệm vụ chiến lược quan trọng hàng đầu của Đảng, Nhà nước

* Viện Dân tộc học và Tôn giáo học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. Email: pqlinh.vass@gmail.com.

Ngày nhận bài: 24/9/2025; ngày phản biện: 2/10/2025; ngày duyệt đăng: 25/10/2025.

¹ Bài viết là kết quả của Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ (2025-2026): “*Sinh kế của một số tộc người ở vùng biên giới tỉnh Bình Phước*” do TS. Tạ Thị Tâm làm chủ nhiệm, Viện Dân tộc học và Tôn giáo học là tổ chức chủ trì.

² Trước đây là tỉnh Tây Ninh. Từ 01/7/2025, hai tỉnh Tây Ninh và Long An sáp nhập thành tỉnh Long An.

³ Kể từ 1/7/2025, tỉnh Đồng Nai mới gồm tỉnh Đồng Nai và tỉnh Bình Phước. Người Xtiêng trước đây sinh sống ở cả Đồng Nai và Bình Phước, trong đó tập trung chủ yếu ở tỉnh Bình Phước. Trong bài viết này tác giả sử dụng tên gọi tỉnh Đồng Nai hiện nay.

Việt Nam. Bởi một mặt, khu vực biên giới không chỉ là “phên dậu” bảo vệ chủ quyền, an ninh quốc gia, mà còn là không gian phát triển giàu tiềm năng; mặt khác, nơi đây là địa bàn hội tụ nhiều tuyến giao thương trong khu vực và quốc tế. Trong quá trình phát triển này, việc nâng cao đời sống kinh tế - xã hội cho người dân vùng biên là chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước, nhằm góp phần củng cố quốc phòng, an ninh biên giới, xây dựng thế trận lòng dân vững chắc; đồng thời, tạo ra động lực phát triển bền vững cho đất nước trong bối cảnh hội nhập. Thực tế cho thấy, ở khu vực biên giới Việt Nam - Campuchia tại tỉnh Đồng Nai, cuộc sống của người DTTS, đặc biệt là người Xtiêng gặp không ít khó khăn, bởi hiện tại người dân có thu nhập còn thấp và bấp bênh, tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo khá cao so với mặt bằng chung của tỉnh. Vì vậy, sinh kế của người Xtiêng nơi biên giới này cũng như tại các địa phương khác cần được nghiên cứu dưới góc độ khoa học, qua đó đưa ra những phương án nhằm giải quyết các vấn đề sinh kế hiện hữu, từng bước phát triển những hình thức sinh kế mới cho đồng bào.

Trên cơ sở nguồn tư liệu thu được trong đợt khảo sát tại hai điểm nghiên cứu thuộc khu vực biên giới tỉnh Đồng Nai vào tháng 7/2025, kết hợp với một số tài liệu thứ cấp từ các cơ quan quản lý địa phương, bài viết tập trung phân tích thực trạng sinh kế của người Xtiêng tại các điểm nghiên cứu dưới góc nhìn đa chiều, qua đó bước đầu đề xuất một số kiến nghị nhằm phát triển sinh kế bền vững hơn, góp phần nâng cao đời sống cho tộc người này ở khu vực biên giới tỉnh Đồng Nai. Để có được tư liệu cho việc phân tích và thể hiện nội dung bài viết, tại hai điểm nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu dân tộc học/nhân học được sử dụng chủ đạo, bao gồm phỏng vấn sâu, thảo luận nhóm, quan sát tham dự, ghi hình tư liệu,... Theo đó, hai điểm nghiên cứu được chọn là xã Bù Gia Mập với 635 hộ người Xtiêng, chiếm 33,45% trong tổng số 1.898 hộ của xã; và xã Đắc Ô nơi có 1.144 hộ người Xtiêng (UBND xã Bù Gia Mập năm 2025a và UBND xã Đắc Ô năm 2022), chiếm 28,27% trong tổng số 4.047 hộ toàn xã.

1. Hoạt động nông - lâm nghiệp

Hoạt động nông - lâm nghiệp hiện vẫn là nguồn sinh kế chính của người Xtiêng ở biên giới tỉnh Đồng Nai. Trong đó, trồng trọt đóng vai trò chính với hỗ trợ từ chăn nuôi, khai thác từ rừng. Tuy vậy, cơ cấu các loại cây trồng trong trồng trọt đã thay đổi. Người dân hiện nay thường ưu tiên trồng các cây công nghiệp dài ngày như điều, tiêu, cà phê, cao su. Các cây lương thực, thực phẩm, rau màu chỉ trồng xen canh trong các vườn điều, cà phê nhằm tận dụng tối đa diện tích đất canh tác để tăng thu nhập.

1.1. Trồng trọt

Kết quả khảo sát thực địa cho thấy, hoạt động kinh tế trước đây của người Xtiêng chủ yếu làm nương rẫy. Bên cạnh trồng lúa, họ trồng xen một số cây lương thực, rau quả như ngô, đậu, đu đủ, ớt, bầu bí..., kết hợp bổ sung thêm nguồn thực phẩm tìm kiếm từ rừng như măng, đọt mây, nấm, cá suối... (Phạm Hiến, 2025). Cách đây khoảng 10 năm, hoạt động kinh tế của người Xtiêng vẫn là làm lúa rẫy và lúa nước (Nguyễn Thị Thanh Bình, 2017; Ủy ban Nhà nước về người Việt Nam ở nước ngoài, 2024). Còn hiện tại, quan sát tại các điểm nghiên cứu cho thấy, người Xtiêng hầu như chỉ trồng các loại cây công nghiệp gồm điều, tiêu và cà phê, trong đó 100% hộ dân có đất sản xuất đều trồng cây điều. Bởi đất đai, thổ nhưỡng, khí hậu,

thời tiết..., và tính cách người dân nơi đây rất phù hợp với cây điều, đó chính là những yếu tố làm cho hạt điều Bình Phước, tức tỉnh Đồng Nai hiện nay nổi tiếng cả trong và ngoài nước (Nguyễn Đức Thanh và cộng sự, 2020).

Toàn xã Bù Gia Mập có tổng diện tích đất trồng trọt là 3.978ha, trong đó cây điều chiếm 2.373ha (60%); cây hồ tiêu 147ha; cà phê 262ha; cao su 1.205ha; cây ăn quả 89,9ha; cây hàng năm 12,6ha (0,53%) chủ yếu trồng xen các vườn cây lâu năm (UBND xã Bù Gia Mập, 2025a). Xã Đắc Ô có tổng diện tích sản xuất là 8.085ha, trong đó cây điều chiếm 5.657ha (70%); cây hồ tiêu 387ha; cà phê 634ha; cao su 1.091ha; sầu riêng 210,5ha; cây ăn trái và các loại cây lâu năm khác 105,5ha; cây hàng năm 93,5ha (1,1%) (UBND xã Đắc Ô, 2022). Qua số liệu thống kê diện tích đất tại hai xã được khảo sát có thể thấy, đất trồng điều chiếm đa số. Bên cạnh đó, vẫn có các loại cây trồng khác như hồ tiêu, cà phê, cao su, sầu riêng,... Song, theo thông tin từ cán bộ địa phương và bộ đội biên phòng nơi đây thì người Xtiêng hầu như chỉ trồng điều, số ít trồng thêm tiêu, cà phê, rất hiếm người trồng cao su, sầu riêng. Vì muốn trồng các cây này phải có vốn để mua đất và cây giống, phân bón, trong khi việc chăm sóc, thu hoạch lại phức tạp nên người Xtiêng chưa thể làm được.

Trong thời gian khảo sát thực địa, tác giả bài viết đã phỏng vấn sâu 15 người Xtiêng ở thôn Bù Rên (xã Bù Gia Mập) và thôn 10 (xã Đắc Ô). Kết quả cho thấy toàn bộ số hộ dân có đất sản xuất đều đang trồng cây điều, họ cho rằng: "*Không có con số chính xác nhưng có thể ước chừng 1ha điều tại Bù Rên sau một năm sẽ thu được trung bình khoảng hơn 1 tấn/1ha vì có năm được mùa, có năm mất mùa. Giá bán điều cũng tùy thuộc năm được giá, năm mất giá nhưng bình quân có thể cho thu nhập khoảng 30 triệu đồng/ha, trong đó chi phí chăm sóc, nhân công chiếm khoảng 1/2. Như vậy, mỗi 1ha điều 1 năm trồng người dân thu về khoảng 15 triệu đồng, nghĩa là trung bình mỗi tháng thu được hơn 1 triệu đồng*" (TLN, người dân thôn Bù Rên, xã Bù Gia Mập, 2025). Trong khi tại thôn 10 và thôn Bù Bung thuộc xã Đắc Ô, khi TLN người Xtiêng cũng đưa ra những thông tin tương tự.

Đặc biệt, một số gia đình trẻ hiện không có đất sản xuất cũng nói rằng sẽ ưu tiên trồng cây điều trước tiên nếu được cấp đất. Họ cho biết: "*Gia đình hiện không có đất sản xuất, thu nhập chính của hai vợ chồng từ đi làm thuê. Nếu được đề xuất sự giúp đỡ của chính quyền địa phương thì gia đình mong muốn được cấp 1 - 2ha đất và sẽ trồng điều trên mảnh đất đó*" (PVS, chị Điều Thị Je R., thôn Bù Rên, 2025). Trao đổi với Điều M., 43 tuổi, tại thôn Đắc Ô: "*Gia đình hiện không có đất nông nghiệp, nguồn thu nhập chính của gia đình đều từ làm công nhân công ty cao su, cả hai vợ chồng và hai con đều đang làm công nhân. Công việc này rất vất vả nên gia đình mong muốn nếu được chính quyền hỗ trợ thì xin được cấp đất sản xuất và khi đó sẽ ưu tiên trồng cây điều, vì loại cây này không phải chăm sóc quá nhiều*" (PVS, nam, 32 tuổi, bí thư, thôn Đắc Ô, 2025).

Các loại cây cao su, cà phê và tiêu đang được một số hộ Xtiêng trồng, ước tính: "*Mỗi ha cao su trung bình một năm thu về khoảng 100 triệu đồng, 1ha cà phê cho thu khoảng 300 triệu, 1ha tiêu thu được trên dưới 250 triệu. Nhìn chung, chi phí dành cho phân bón, thuê người chăm sóc, thu hoạch các loại cây này chiếm khoảng 1/2 số tiền thu về. Như vậy, tính ra mỗi năm 1ha cao su sẽ*

mang lại cho người dân khoảng 50 triệu đồng, Iha cà phê sẽ được 150 triệu đồng, Iha tiêu mang về 125 triệu đồng” (TLN, cán bộ xã Bù Gia Mập, 2025). Rõ ràng, số tiền thu về từ trồng cây cao su, cà phê, hồ tiêu lớn gấp nhiều lần so với trồng cây điều. Song, để trồng các loại cây này cần có đất sản xuất, vốn để mua thuốc, chăm bón cho cây, dành nhiều thời gian chăm sóc. Đặc biệt, cây cà phê, hồ tiêu muốn trồng phải có đủ nguồn nước tưới và đôi khi còn bị bệnh dẫn tới chết cây, mùa vụ mất trắng nên rất rủi ro cho gia đình. Trong khi, đa phần người Xtiêng ở hai điểm nghiên cứu đều có kinh tế ở mức trung bình, nhiều hộ còn nghèo và cận nghèo, kiến thức về trồng trọt còn hạn chế. Vì vậy, rất ít hộ người Xtiêng trồng cao su, cà phê hay hồ tiêu, họ chủ yếu trồng điều. Để tận dụng nguồn đất, người Xtiêng thường trồng xen canh các loại cây lương thực ngắn ngày như bắp, khoai mì, lúa rẫy trong giai đoạn cây điều còn nhỏ, tán chưa khép. Việc trồng các loại cây này giúp người dân có thêm nguồn lương thực, đồng thời giúp giữ ẩm đất và hạn chế cỏ dại mọc lên ảnh hưởng tới cây điều. Thông qua quan sát, một số hộ Xtiêng đôi khi trồng xen rìa vườn các loại cây ngắn ngày, rau màu như đậu, bầu bí, rau cải..., chủ yếu để phục vụ bữa ăn gia đình.

Hiện tại, bên cạnh diện tích nhà ở, mỗi gia đình Xtiêng vẫn có một mảnh vườn ở phía trước, phía sau hoặc xung quanh ngôi nhà. Qua quan sát cho thấy, người dân thường trồng rau hoặc một số cây ăn quả trong vườn như chôm chôm, thanh long, xoài, mít, mía,... Việc trồng những loại cây ăn quả này giúp người dân có bóng mát để nghỉ ngơi, cho trẻ nhỏ chơi đùa, đồng thời, các hộ gia đình có quả ăn và bán để tăng thêm thu nhập. Dù vậy, số tiền này rất nhỏ, không đáng kể do số lượng cây trồng của các hộ gia đình không nhiều.

1.2. Chăn nuôi

Trước đây, người Xtiêng nuôi các giống trâu, bò, lợn, gà, chó..., song chỉ mang tính hỗ trợ sản xuất nông nghiệp. Đồng bào nuôi trâu, bò không phải dùng cho việc cày bừa, mà để làm vật trao đổi ngang giá, thịt ăn tết, đặc biệt là cúng thần linh và phục vụ các lễ đâm trâu (Viện Dân tộc học, 2014; Nguyễn Thị Thanh Bình, 2017). Trong các giống gia cầm, người dân chủ yếu nuôi gà, đặc biệt có một số hộ nuôi voi (Công thông tin điện tử Bộ Dân tộc và Tôn giáo, 2015). Tuy vậy, tại thời điểm khảo sát là tháng 7/2025, cán bộ hai xã Bù Gia Mập và Đăk Ô cho biết: “Hiện người Xtiêng không còn nuôi voi, các loại gia súc, gia cầm khác người dân vẫn nuôi nhưng ở mức độ vừa phải, chủ yếu phục vụ nghi lễ hoặc nhu cầu của gia đình” (TLN, cán bộ xã Bù Gia Mập và cán bộ xã Đăk Ô, 2025). Kết quả quan sát, phỏng vấn và ghi hình tại các điểm nghiên cứu cũng thấy trùng khớp với những thông tin mà cán bộ xã cung cấp, chẳng hạn như việc nuôi gà tại thôn Bù Rên. Khi được hỏi, một số người dân thôn này nói rằng, gia đình họ hiện đang nuôi khoảng 10 - 30 con gà lớn nhỏ, chủ yếu để phục vụ nhu cầu của gia đình và đãi khách khi cần thiết.

Đối với hoạt động nuôi gia súc, kết quả TLN cán bộ thôn Bù Rên, xã Bù Gia Mập chỉ ra rằng, người Xtiêng trong thôn hiện nay vẫn nuôi trâu, bò, lợn để sử dụng khi cần, bởi đồng bào vẫn giữ một số tập quán như khi có đám hỏi phải mổ 2 - 3 con heo, còn đám cưới thì mổ 2 - 3 con heo hoặc trâu, bò. Do đó, các gia đình người Xtiêng, nhất là những gia đình có con chưa lấy vợ, lấy chồng đều nuôi trâu, bò, lợn để khi cần sẽ giết thịt hoặc có thể đem bán đi để lấy tiền lo công việc. Về tỷ lệ số hộ dân nuôi gia súc, cán bộ thôn Bù Rên cho biết thêm: “Số lượng

ngày càng giảm trong mấy năm gần đây vì nhiều lý do như dịch bệnh, thôn không có khu vực chăn thả, một số gia đình ưu tiên đi làm thuê kiếm tiền nên không có nhân lực để chăn nuôi. Bên cạnh đó, các hộ chăn nuôi trâu, bò ở thôn không có bãi cỏ riêng dành cho chăn nuôi và mùa khô không có cỏ để chăn thả" (PVS, nam, bí thư Chi bộ thôn Bù Rên, 2025). Tùy thời điểm mà số hộ nuôi gia súc có khác nhau, nhưng tỷ lệ số hộ gia đình nuôi trâu bò ở thôn này cũng chỉ dao động khoảng 10 - 20%" (TLN, cán bộ thôn Bù Rên, 2025). Trong khi tại thôn 10, xã Đắc Ô, do đặc thù là nơi tiếp nhận người Xtiêng nghèo từ các nơi trong tỉnh về định cư nên số hộ Xtiêng có trâu, bò rất hạn chế. Những hộ này có trâu bò cũng nhờ chính sách hỗ trợ xóa đói giảm nghèo của tỉnh hoặc bộ đội biên phòng. Tuy vậy, hầu như các hộ chỉ nuôi trâu bò được một thời gian rồi lại bán đi để có tiền mua đồ ăn thức uống hoặc chữa bệnh khi nhà có người ốm, vì họ quá nghèo (TLN, Lãnh đạo thôn 10, xã Đắc Ô, 2025).

1.3. Lâm nghiệp và khai thác lâm sản trong rừng

Trước đây, cuộc sống của người Xtiêng gắn bó mật thiết với rừng. Bởi vì nhờ có rừng, người dân mới có thể phát rừng làm nương rẫy, khai thác gỗ làm nhà, săn bắt các loại muông thú, khai thác các loại rau, củ, quả,... Thậm chí ở một số giai đoạn lịch sử, việc săn bắn, hái lượm còn có vai trò quan trọng trong đời sống của người Xtiêng (Nguyễn Thị Thanh Bình, 2017). Tuy vậy, ngày nay với những quy định khắt khe của hệ thống pháp luật và sự vào cuộc quyết liệt của các cơ quan chức năng, các hoạt động gắn với rừng của người DTTS nói chung, người Xtiêng ở khu vực biên giới tỉnh Đồng Nai nói riêng được kiểm soát quy củ, tuân thủ pháp luật. Vì thế, rừng ở Vườn quốc gia Bù Gia Mập luôn được bảo vệ tốt, không có tình trạng khai thác rừng, săn bắn động vật hoang dã (Ban quản lý Vườn quốc gia Bù Gia Mập, 2025). Song, một số hộ gia đình Xtiêng thuộc diện nghèo, cận nghèo vẫn hay vào rừng khai thác những loại lâm thổ sản phụ và có giá trị thấp như nấm, măng, các loại rau rừng..., do vào một vài thời điểm trong năm họ không có nguồn thu, chưa vay được tiền.

Nguồn lợi tự nhiên từ rừng tuy giảm bớt so với trước đây, song kể từ năm 2011 đến nay, người Xtiêng sinh sống ở khu vực Vườn quốc gia Bù Gia Mập có thêm khoản thu nhập từ việc nhận khoán bảo vệ rừng. Khi nghiên cứu thực địa chúng tôi được lãnh đạo Vườn quốc gia cho biết: "*Chúng tôi luôn tạo điều kiện tăng thêm thu nhập từ rừng cho bà con. Hiện giờ có khoảng 400 hộ gia đình đang được giao khoán bảo vệ rừng, hầu hết là người DTTS*" (TLN, cán bộ Vườn quốc gia Bù Gia Mập, 2025). Kết quả khảo sát thực địa cho thấy, thôn Bù Rên, xã Bù Gia Mập có 62 hộ, tức khoảng 25% số hộ trong thôn được giao khoán bảo vệ rừng với tổng diện tích 1.758,96ha; thôn Bù Bung, xã Đắc Ô có 74 hộ được giao khoán bảo vệ rừng với tổng diện tích 2.204,86ha (Ban quản lý Vườn quốc gia Bù Gia Mập, 2025). Theo Nghị định 58/2024/NĐ-CP về chính sách đầu tư cho lâm nghiệp, mỗi ha rừng khi giao khoán được chi trả khoảng 300.000 - 500.000 đồng/ha tùy thuộc vào phân loại rừng, khu vực được giao rừng. Tính bình quân mỗi ha được chi trả khoảng 400.000 đồng/năm thì mỗi hộ ở thôn Bù Rên có thu nhập khoảng 10,9 triệu đồng/năm từ bảo vệ rừng; mỗi hộ ở thôn Bù Bung có thu nhập khoảng 11,9 triệu đồng/năm. Đây là một nguồn thu nhập khá quan trọng so với mức sống của người dân trong khu vực, hơn nữa lại có sự ổn định, nên "*người dân ở các thôn được giao bảo vệ rừng rất ủng hộ và có trách nhiệm trong việc chăm sóc, bảo vệ rừng*" (TLN, cán bộ Vườn quốc gia Bù Gia Mập, 2025).

2. Hoạt động phi nông nghiệp

2.1. Làm thuê và làm công ty

Nếu trước đây, làm thuê chỉ mang tính phụ trợ cho hoạt động sinh kế chính là trồng trọt, chăn nuôi để người Xtiêng có thêm thu nhập thì hiện nay, đi làm thuê và làm công ty đang mang lại nguồn thu nhập chính của rất nhiều hộ gia đình người Xtiêng ở vùng biên giới tỉnh Đồng Nai. Theo người Xtiêng nơi đây, đi làm thuê là hoạt động không cố định, không có hợp đồng, thường làm việc trên địa bàn xã, phụ thuộc nhiều vào thời tiết cũng như sức khỏe của người làm thuê và nhu cầu của người thuê. Đi làm công ty là việc người dân đến làm việc trong các nhà máy, xí nghiệp, khu công nghiệp, có hợp đồng lao động với mức lương theo quy định cụ thể. Ngoài ra, một số trường hợp đi làm ăn xa như làm tại khu công nghiệp Đồng Xoài hay làm ở các tỉnh ngoài cũng được người dân nơi này gọi là đi làm công ty. Qua phỏng vấn, giống như nhiều tộc người cận cư, trước đây người Xtiêng đi làm thuê không phổ biến, chỉ diễn ra trong cộng đồng hoặc với các dân tộc láng giềng, nhưng ngày nay hoạt động này đã trở thành một sinh kế quan trọng đối với người Xtiêng. Bởi kết quả khảo sát tại các điểm nghiên cứu vào tháng 7/2025 chỉ ra rằng, gần như 100% số hộ gia đình Xtiêng đều có thành viên đi làm thuê, kể cả những hộ có kinh tế khá so với mặt bằng chung của thôn.

Công việc làm thuê hiện nay của người Xtiêng ở biên giới tỉnh Đồng Nai khá đa dạng, gồm đi cạo mũ cao su theo ngày, nhật điều, thu hoạch cà phê,... Mức thù lao mà người dân nhận được cho những công việc này cũng khác biệt, vì còn dựa vào năng suất lao động, tức nam giới thường được trả công cao hơn nữ giới; hiệu quả công việc hàng ngày do phụ thuộc vào thời tiết, nếu trời mưa có khi chỉ làm nửa buổi,... Nhìn chung, mỗi ngày đi làm thuê, người dân đều kiếm được 200.000 - 300.000 đồng với thời gian làm việc 8 đến 10 tiếng, tùy loại công việc. Đối với người dân, đặc biệt người dân không có đất sản xuất thì đi làm thuê là nguồn thu chính giúp họ bám trụ với cuộc sống. Người dân cho biết: *“Do chỉ học đến lớp 4 nên chị không biết làm việc gì để kiếm tiền ngoài đi làm thuê. Các công việc làm thuê mà chị hay làm là đi làm điều, bỏ phân sào riêng, phát cỏ... Mỗi ngày đi làm thuê chị được trả khoảng 150.000 đến 250.000 đồng tùy công việc. Những ngày mưa bão thì không có ai thuê, cũng chỉ biết ở nhà chứ không biết làm gì”* (PVS, chị Thị H., 36 tuổi, thôn 10, xã Đắc O, 2025). Tại thôn Bù Rên, theo người dân, thu nhập từ đi làm thuê chiếm khoảng 20 - 30% tổng thu nhập của các hộ gia đình, do người Xtiêng ở đây có thêm nguồn thu từ trồng trọt, chăn nuôi,... Trong khi ở thôn 10, thu nhập từ đi làm thuê đôi khi chiếm 80 - 90% tổng thu nhập của một số hộ gia đình, bởi người dân nơi đây hầu như không có đất sản xuất và chăn nuôi, nếu có cũng chỉ trồng điều cho thu nhập thấp.

Theo thời gian, hoạt động đi làm công ty ngày càng được người Xtiêng ưa chuộng. Nhiều thanh niên Xtiêng hiện nay, nhất là những người khỏe mạnh, có học vấn từ trung học cơ sở đến trung học phổ thông đều rời bỏ các hoạt động sinh kế nông - lâm nghiệp để tìm kiếm việc làm ổn định hơn. Họ làm việc trong các công ty, nhà máy, xí nghiệp ở ngoài xã, số ít thanh niên thì đi làm ngoại tỉnh và Thành phố Hồ Chí Minh. Theo thông tin từ người ở nhà, đa phần thu nhập của thanh niên Xtiêng đi làm công ty dao động khoảng 5 - 10 triệu đồng/tháng, tùy vào việc có tăng ca hay không. Gia đình anh Điều Bò L., ở thôn 10, xã Đắc O hiện có hai vợ chồng và ba

con, trong đó con lớn nhất sinh năm 2003 đang đi làm công ty ở Bình Dương cho biết: “Hai vợ chồng đi làm thuê còn con trai đi làm công ty ở Bình Dương được mấy năm rồi. Thỉnh thoảng con anh lại thay đổi công việc nếu thấy không hợp. Hiện tại 2 vợ chồng cũng không biết và không hỏi xem con đang làm công ty gì, chỉ biết là trung bình mỗi tháng con gửi về cho bố mẹ khoảng 3 triệu đồng. Trước đây có hỏi thì biết là công việc cũ của con lương khoảng 5 - 6 triệu đồng nếu không đi làm tăng ca. Đây là mức lương phổ biến với thanh niên đi làm công ty” (PVS, nam, 39 tuổi, thôn 10, xã Đắc O, 2025). Với mức thu nhập này, hầu hết thanh niên chỉ 1 - 2 triệu đồng cho việc thuê phòng trọ, 2 - 3 triệu đồng cho ăn uống, số tiền gửi về cho gia đình dao động 2 - 5 triệu đồng. Quy đổi ra mỗi năm một thanh niên đi làm công ty có thể gửi về nhà 24 - 60 triệu đồng. Đây là số tiền lớn nếu so với thu nhập bình quân đầu người Xtiêng ở xã Bù Gia Mập là khoảng 23 triệu đồng/người/năm.

Tuy thu nhập ổn định và cao so với mặt bằng thu nhập từ các hoạt động sinh kế khác, nhưng đi làm công ty hiện vẫn chưa thành xu thế phong trào ở người Xtiêng nơi đây, trong khi hoạt động này từ lâu đã trở thành chiến lược sinh kế của nhiều DTTS sống ở địa bàn biên giới, chẳng hạn như người Khơ-mú ở biên giới Việt Nam - Lào (Phạm Quang Linh, Nguyễn Thị Thu, 2024), người Khơ-me ở biên giới Việt Nam - Campuchia (Vũ Thị Hải Hà, 2023). Theo quan sát và phỏng vấn tại thôn Bù Rên và thôn 10, chỉ khoảng 10 - 20% lao động người Xtiêng làm việc tại các công ty, chủ yếu là thanh niên vừa tốt nghiệp trung học cơ sở và trung học phổ thông. Một trong những nguyên nhân khiến đồng bào Xtiêng không hào hứng đi làm công ty là do văn hóa tộc người. Người Xtiêng luôn gắn bó với buôn/làng nên họ không muốn rời khỏi nơi cư trú lâu dài trừ khi rơi vào những hoàn cảnh bắt buộc. Mỗi liên kết cộng đồng, trách nhiệm gia đình và tập tục truyền thống tiếp tục giữ chân họ ở lại địa phương. Việc đi làm xa cũng tiềm ẩn nhiều rủi ro về kỹ năng, thích ứng và khác biệt văn hóa - xã hội. Hơn nữa, người Xtiêng vùng biên vẫn nhận được sự hỗ trợ thường xuyên từ Nhà nước và các tổ chức, nên họ không quá lo ngại về điều kiện sinh kế cơ bản.

2.2. Nghề thủ công

Nghề thủ công của người Xtiêng trước đây chủ yếu phục vụ cho nghi lễ, lễ hội và trang trí. Trong đó, nổi bật là dệt thổ cẩm do người phụ nữ thực hiện bằng cách sử dụng sợi bông và các loại sợi tự nhiên dệt ra những tấm vải hoa văn, họa tiết độc đáo, mang ý nghĩa biểu tượng sâu sắc về vũ trụ, con người và cuộc sống. Các sản phẩm dệt dùng để may trang phục cổ truyền, làm chăn đắp hoặc quà tặng. Ngày nay, đô thị hóa và giao lưu văn hóa đã và đang làm cho nghề này đứng trước nhiều thách thức, tuy vẫn còn một số thợ thủ công nỗ lực gìn giữ và truyền dạy nghề cho thế hệ trẻ. Song, giới trẻ Xtiêng hầu như chưa hứng thú với nghề, bởi họ mất nhiều thời gian làm nghề nhưng sản phẩm làm ra có giá trị không tương xứng với công sức bỏ ra, đặc biệt, khi so sánh với các hoạt động sinh kế khác. Một số ít hộ người Xtiêng ở gần Vườn quốc gia Bù Gia Mập vẫn làm các sản phẩm thủ công để bày bán trong “nhà trải nghiệm” của Vườn quốc gia này, nhưng bán được rất ít nên thu nhập không đáng kể.

Trước đây, khi còn là kinh tế tự cung tự cấp, các sản phẩm thủ công của người Xtiêng được tạo ra từ nguyên liệu sẵn có trong tự nhiên, thể hiện sự khéo léo và tri thức tích lũy qua

nhều thế hệ. Cụ thể, người Xtiêng đã có nghề đan lát các vật dụng thiết yếu như gùi, nia, mẹt từ mây, tre, nứa. Ngoài ra, việc rèn công cụ sản xuất như rìu, rựa, dao..., cũng là một hoạt động quan trọng, bởi người thợ sử dụng những kỹ thuật truyền thống để tạo ra các sản phẩm sắc bén, bền, chắc phục vụ cho công việc nương rẫy. Những hoạt động này không chỉ đáp ứng nhu cầu sử dụng của gia đình và cộng đồng cư trú, mà còn thể hiện sự gắn bó mật thiết với thiên nhiên và lối sống du canh, du cư của họ. Theo thời gian, cùng với sự phát triển của kinh tế thị trường, hoạt động thủ công nghiệp của người Xtiêng hiện nay đã có nhiều thay đổi và dần có chiều hướng mai một. Các sản phẩm công nghiệp như gia dụng, nông cụ, đồ đựng, chăn màn, vải vóc các loại ngày nay có thể mua dễ dàng với giá cả vừa phải tại các cửa hàng tạp hóa, chợ, hàng quán của một số gia đình trong thôn.

2.3. Thương mại và dịch vụ

Hoạt động thương mại trước kia của người Xtiêng mang tính tự cung, tự cấp trao đổi nội bộ hoặc với các dân tộc láng giềng bằng sản phẩm nông - lâm nghiệp để đổi lấy vật dụng thiết yếu. Cùng với quá trình hội nhập, sản xuất hàng hóa và buôn bán tại các chợ phiên, chợ xã đã trở nên phổ biến. Một số hộ, đặc biệt ở ven đường thường mở cửa hàng nhỏ phục vụ nhu cầu sinh hoạt và giao thương. Hoạt động dịch vụ cũng chuyển từ tính cộng đồng sang hướng thương mại, đa dạng với nghề lái xe, sửa chữa, làm đẹp. Đáng chú ý, du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng giúp người Xtiêng vừa tăng thu nhập vừa quảng bá văn hóa của tộc người. Do sinh sống ở khu vực vùng đệm của Vườn quốc gia Bù Gia Mập nên nhiều hộ người Xtiêng và Mnông được thu hút tham gia vào các hoạt động du lịch sinh thái, du lịch mạo hiểm và du lịch trải nghiệm do Vườn quốc gia tổ chức. Theo thông tin của cán bộ Vườn quốc gia Bù Gia Mập, hiện nay các hoạt động du lịch - dịch vụ nơi đây đã tạo điều kiện cho khoảng 100 hộ dân tăng thu nhập thông qua việc làm hướng dẫn viên, cung cấp thực phẩm, tham gia đội văn nghệ...

Thực tế cho thấy, tại Vườn quốc gia Bù Gia Mập hiện có khoảng 70 người Xtiêng và Mnông làm hướng dẫn viên và biểu diễn văn nghệ; số lượng thay đổi tùy thời điểm nhưng tất cả đều được tập huấn và cấp chứng chỉ nghiệp vụ. Thu nhập trung bình của hướng dẫn viên đạt 300.000 - 400.000 đồng/người/ngày. Đội văn nghệ gồm 16 thành viên, được mời biểu diễn theo hợp đồng ngắn hạn, mỗi buổi diễn 1 - 2 tiếng với thù lao 2 - 3 triệu đồng, tương đương 150.000 - 200.000 đồng/người. Ngoài ra, khoảng 40 thanh niên làm khuân vác cho các tour trekking, với tỷ lệ trung bình mỗi người phục vụ 4 khách. Công việc này diễn ra chủ yếu vào cuối tuần, thu nhập khoảng 300.000 - 500.000 đồng/người/ngày, chưa kể tiền bồi dưỡng thêm. Trong bối cảnh nơi biên giới khan hiếm việc làm, mức thu nhập này tương đối ổn định và khả quan, góp phần cải thiện kinh tế, nhất là đối với thanh niên DTTS nơi đây.

2.4. Một số nguồn sinh kế khác

Với đặc thù là người DTTS và sinh sống ở vùng biên, người Xtiêng thường xuyên nhận được sự quan tâm, giúp đỡ của cán bộ đồn biên phòng. Đây là nguồn hỗ trợ sinh kế đặc biệt mà chỉ đồng bào sống ở khu vực biên giới mới nhận được. Theo đó, nằm trong khuôn khổ hoạt động của bộ đội biên phòng Việt Nam, với mục tiêu tăng cường gần gũi với nhân dân, giúp đỡ nhân dân khu vực biên giới phát triển kinh tế, trong khoảng 10 năm trở lại đây, bộ đội

biên phòng đã triển khai nhiều chương trình hỗ trợ trực tiếp và gián tiếp về sinh kế cho người dân. Một số mô hình tiêu biểu có thể kể tới như: "Nâng bước em tới trường", "Con nuôi đồn biên phòng", "Hũ gạo tình thương", "Bò giống cho người nghèo vùng biên giới", "Đê giống khởi nghiệp", "Heo bản quay vòng", "Đồng hành cùng phụ nữ biên cương",... Tại hai xã Bù Gia Mập và Đắc Ô, nhiều hộ và người dân được hưởng lợi lớn từ các chương trình này.

Qua trao đổi các cán bộ đồn biên phòng Bù Gia Mập cho biết: "*Hiện tại trên địa bàn xã, bộ đội biên phòng đang triển khai một số chương trình như con nuôi đồn biên phòng, nâng bước em tới trường, hỗ trợ gia súc, đảng viên biên phòng phụ trách gia đình biên giới..., với mục tiêu giảm bớt gánh nặng cho các hộ gia đình, tạo điều kiện cho trẻ em học hành, hỗ trợ người dân có kinh tế tốt hơn, sớm thoát nghèo*" (TLN, cán bộ xã và đồn biên phòng Bù Gia Mập, 2025). Cụ thể, một số chương trình mà bộ đội biên phòng đang triển khai trên địa bàn xã Bù Gia Mập gồm: nuôi hai bé trai trong chương trình con nuôi đồn biên phòng; hỗ trợ bảy cháu học sinh với số tiền 500.000 đồng/tháng trong chương trình nâng bước em đến trường; tặng gạo cho 03 hộ nghèo; tặng 14 con bò giống cho 5 hộ gia đình; tặng 15kg gạo/tháng cho một người già neo đơn... (Đồn biên phòng Bù Gia Mập, 2024). Rõ ràng, bên cạnh sự giúp đỡ của chính quyền và các đoàn thể, sự giúp đỡ của bộ đội biên phòng đối với người Xtiêng ở khu vực biên giới tỉnh Đồng Nai là hết sức quý báu. Những hỗ trợ này đã giảm bớt gánh nặng tiền bạc đối với những gia đình DTTS có con đi học, giúp người dân có thêm nguồn thu nhập dưới dạng trao tặng gia súc... Đây là một nguồn hỗ trợ đáng kể cho các gia đình sinh sống ở vùng biên giới.

3. Một số nhận xét và kết luận

Tại xã Đắc Ô, thu nhập bình quân đầu người năm 2022 đạt 38 triệu đồng/người/năm (UBND xã Đắc Ô, 2022), còn ở xã Bù Gia Mập năm 2024 đạt 28.5 triệu đồng/người/năm (UBND xã Bù Gia Mập, 2024). Đến cuối năm 2024, thu nhập bình quân đầu người tại huyện Bù Gia Mập, trong đó có hai xã Bù Gia Mập và Đắc Ô là 54 triệu đồng/người/năm (UBND huyện Bù Gia Mập, 2024). Khi thảo luận với cán bộ hai xã nhận thấy, đồng bào Xtiêng có thu nhập thấp hơn so với các tộc người khác trên địa bàn như Kinh, Tày, Nùng. Ở thôn Bù Rên, nơi hầu như chỉ người Xtiêng sinh sống, thu nhập chỉ đạt 23 triệu đồng/người/năm (Chi bộ thôn Bù Rên, 2025), tức đạt khoảng 80% so với thu nhập bình quân toàn xã và chưa bằng $\frac{1}{2}$ thu nhập bình quân toàn huyện. Tại thời điểm tháng 7/2025, trong số 1.411 hộ DTTS của xã Bù Gia Mập (cũ) vẫn còn 80 hộ nghèo với 292 khẩu, 51 hộ cận nghèo với 195 khẩu (UBND xã Bù Gia Mập, 2025b). Với mức thu nhập của người dân còn thấp như vậy, chính quyền tỉnh Đồng Nai và chính quyền hai xã Bù Gia Mập, Đắc Ô cần có thêm nhiều phương án, giải pháp để nâng cao hơn nữa hiệu quả hoạt động sinh kế hiện tại của người dân, đồng thời giúp họ tìm kiếm thêm các nguồn sinh kế mới để có cuộc sống ổn định và phát triển bền vững hơn.

Để cải thiện đời sống và tăng thu nhập, người Xtiêng hiện duy trì nhiều hoạt động sinh kế, trong đó ba nguồn thu chính là đi làm thuê, trồng cây công nghiệp (chủ yếu cây điều), bảo vệ rừng. Song, các hoạt động này vẫn bấp bênh, phụ thuộc nhiều vào thời tiết, mùa vụ và sức khỏe người lao động. Những hộ ít nhân lực, có người già hoặc con nhỏ thường chỉ có một trong hai vợ

chông có thể tham gia lao động. Làm việc tại các công ty được xem là ổn định hơn, nhưng chưa thu hút nhiều người Xtiêng do hạn chế về trình độ học vấn, thể lực, tâm lý ngại đi xa, tức mong muốn làm việc gần nhà. Ngoài ra, nguyên nhân còn bắt nguồn từ đặc trưng văn hóa tộc người như: một bộ phận người dân vẫn có tâm lý trông chờ vào sự hỗ trợ của Nhà nước, thiếu tính chủ động trong lao động; một số bỏ làm công ty do điều kiện làm việc khắc nghiệt hoặc vì tự ái, sợ bị chê cười (Tổng hợp PVS, TLN. người dân xã Bù Gia Mập và xã Đăk Ô, 2025).

Thực trạng này cho thấy, sinh kế của người Xtiêng nơi đây vẫn chủ yếu dựa vào lao động giản đơn, thu nhập chưa ổn định, thiếu nền tảng sản xuất bền vững. Nếu tình hình kéo dài, nguy cơ tái nghèo, đặc biệt trong bối cảnh biến đổi khí hậu, biến động giá nông sản là khó tránh khỏi. Việc thiếu kỹ năng nghề, hạn chế trong tiếp cận thị trường, tâm lý ngại đổi mới..., khiến họ dễ bị gạt ra ngoài tiến trình phát triển chung. Đáng lo ngại hơn, lớp trẻ người Xtiêng ngày càng ít gắn bó với sản xuất truyền thống, nhưng cũng chưa đủ điều kiện tham gia thị trường lao động hiện đại, dẫn tới nguy cơ đứt gãy nghề nghiệp, mất dần tri thức bản địa, suy yếu bản sắc tộc người. Thêm vào đó, trình độ học vấn và kỹ năng nghề hạn chế của người Xtiêng là trở ngại lớn đối với việc triển khai các mô hình sinh kế hiệu quả. Do thiếu kiến thức và vốn, người dân e ngại vay đầu tư, không dám mở rộng sản xuất hay áp dụng kỹ thuật mới, khiến năng suất thấp, thu nhập thiếu ổn định. Nhiều người thiếu khả năng tính toán hiệu quả kinh tế, thậm chí bị lợi dụng vay nặng lãi, dẫn đến mất đất, mất nhà. Thực tế này đặt ra yêu cầu cấp bách về đào tạo nghề, nâng cao năng lực kinh tế hộ và hỗ trợ tài chính vi mô, nhằm giúp người Xtiêng chủ động vươn lên phát triển sinh kế bền vững.

Phân tích kết quả khảo sát tại các thôn người Xtiêng ở biên giới tỉnh Đồng Nai cho thấy, chiến lược sinh kế khả thi và đảm bảo bền vững trong thời gian tới là khuyến khích đồng bào Xtiêng nơi đây tham gia lao động tại các công ty, đồng thời định hướng họ tích lũy để mua đất trồng trọt, tạo nguồn thu ổn định song song với thu nhập từ tiền lương. Để đạt được mục tiêu này, cần có các chính sách đồng bộ và dài hạn, hướng đến các nhóm đối tượng chính là trẻ em; người trong độ tuổi lao động; hộ gia đình nghèo, neo đơn, có người cao tuổi, cụ thể như sau:

Với trẻ em, việc bảo đảm cơ hội tiếp cận giáo dục là ưu tiên hàng đầu nhằm nâng cao tri thức, tạo nền tảng cho các hoạt động sinh kế mới hiện đại trong tương lai.

Đối với lực lượng lao động, đặc biệt là thanh niên, cần tăng cường đào tạo nghề, bồi dưỡng kỹ năng làm việc trong môi trường công nghiệp hiện đại, đồng thời, đẩy mạnh công tác truyền thông để thay đổi nhận thức, giúp họ tự tin và chủ động hơn trong việc tham gia thị trường lao động.

Riêng các hộ nghèo, gia đình neo đơn hoặc có người già yếu, Nhà nước nên có chính sách hỗ trợ phù hợp, linh hoạt, kịp thời và có hiệu quả thiết thực, kết hợp huy động nguồn lực xã hội để đảm bảo an sinh và giúp họ duy trì sinh kế tại chỗ.

Quá trình thay đổi tư duy lao động của người Xtiêng không thể diễn ra trong thời gian ngắn, do đó cần song hành giữa tuyên truyền và hành động cụ thể, chẳng hạn như khuyến khích đầu tư xây dựng nhà máy, xí nghiệp, khu công nghiệp gần nơi sinh sống của đồng bào.

Trong bối cảnh Việt Nam đang thu hút mạnh mẽ dòng vốn đầu tư nước ngoài (FDI) với mạng lưới công nghiệp mở rộng nhanh chóng, thì định hướng phát triển sinh kế thông qua việc làm công ty kết hợp sản xuất nông - lâm nghiệp có thể xem là hướng đi phù hợp và bền vững cho người Xtiêng ở khu vực biên giới tỉnh Đồng Nai trong giai đoạn 5 - 10 năm tới./.

Tài liệu tham khảo

1. Ban quản lý Vườn quốc gia Bù Gia Mập (2025), *Báo cáo kết quả thực hiện công tác chi trả dịch vụ môi trường rừng 6 tháng đầu năm 2025 và phương hướng 6 tháng cuối năm 2025.*
2. Nguyễn Thị Thanh Bình (2017), “Dân tộc Xtiêng”, trong Vương Xuân Tình chủ biên: *Các dân tộc ở Việt Nam (Tập 3 - Nhóm ngôn ngữ Môn - Kơ-me)*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
3. Chi bộ thôn Bù Rên (2025), *Báo cáo phục vụ đoàn làm việc của Ban thường vụ Đảng ủy xã Bù Gia Mập vào tháng 7/2025.*
4. Cổng thông tin điện tử Bộ Dân tộc và Tôn giáo (2015), *Người Xtiêng*, <http://www.cema.gov.vn/gioi-thieu/cong-dong-54-dan-toc/nguoi-xtieng.htm>, ngày đăng tải 14/11/2015, ngày truy cập 9/9/2025.
5. Đoàn biên phòng Bù Gia Mập (2024), *Báo cáo tổng kết công tác biên phòng năm 2024.*
6. Vũ Thị Hải Hà (2023), “Di cư lao động của người Khmer ở thị xã Tịnh Biên, tỉnh An Giang hiện nay”, *Tạp chí Dân tộc học*, số 6, tr. 17-30.
7. Phạm Hiến (2025), *Vài nét văn hóa của người S'tiêng Bình Phước*, <https://hvhnt.dongnai.gov.vn/Pages/newsdetail.aspx?NewsId=4374&CatId=102>, ngày đăng tải 1/9/2025, ngày truy cập 9/9/2025.
8. Phạm Quang Linh, Nguyễn Thị Thu (2024), "Đi làm ăn xa: Chiến lược sinh kế hiện nay của người Kơ-mú ở huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An", *Tạp chí Dân tộc học*, số 5, tr. 29-41.
9. Nguyễn Đức Thanh và các cộng sự (2020), *Bài 2: Cây điều Việt Nam, câu chuyện dài và lời kể của người trong cuộc*, <https://nongsanviet.nongnghiepmoitruong.vn/bai-2-cay-dieu-viet-nam-cau-chuyen-dai-va-loi-ke-cua-nguoi-trong-cuoc-d264256.html>, ngày đăng tải 12/5/2020, ngày truy cập 8/8/2025.
10. Ủy ban Dân tộc, Tổng cục Thống kê (2020), *Kết quả điều tra thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2019*, Nxb. Thống kê, Hà Nội.
11. Ủy ban Nhà nước về người Việt Nam ở nước ngoài (2014), *Dân tộc X'tiêng*, <https://scov.gov.vn/ban-sac-van-hoa/gioi-thieu-ban-sac-van-hoa>, ngày đăng tải 21/7/2014, ngày truy cập 8/8/2025.
12. Ủy ban nhân dân huyện Bù Gia Mập (2024), *Dự thảo Báo cáo chính trị Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số huyện Bù Gia Mập lần thứ III, năm 2024.*
13. Ủy ban nhân dân xã Bù Gia Mập (2024), *Báo cáo thực hiện kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh năm 2024 và phương hướng nhiệm vụ năm 2025.*
14. Ủy ban nhân dân xã Bù Gia Mập (2025a), *Báo cáo thực hiện kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh 6 tháng đầu năm và phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2025.*

15. Ủy ban nhân dân xã Bù Gia Mập (2025b), *Báo cáo kết quả thực hiện các chương trình, chính sách dân tộc 2020-2025*.

16. Ủy ban nhân dân xã Đăk Ô (2022), *Báo cáo thực hiện kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh năm 2022 và phương hướng nhiệm vụ năm 2023*.

17. Viện Dân tộc học (2014), *Các dân tộc ít người ở Việt Nam (Các tỉnh phía Nam)* (Tái bản có sửa chữa, bổ sung), Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

Abstract

LIVELIHOODS OF THE XTIENG PEOPLE IN THE BORDER AREA OF DONG NAI PROVINCE TODAY

Pham Quang Linh

Institute of Anthropology and Religious Studies

Vietnam Academy of Social Sciences

In the Vietnam - Cambodia border area of Dong Nai province, the Xtieng are an ethnic minority with a large population, so livelihood issues related to this ethnic group have certain impacts on social stability, security and defense of the whole region. The Xtieng currently have a low per capita income, the rate of poor and near-poor households is high compared to the provincial average. Therefore, the government and functional levels need to encourage the Xtieng to participate in labor at companies and guide them to accumulate to buy land for cultivation, creating a stable source of income in parallel with income from wages. However, in the long term, there needs to be solutions suitable to ethnic practices and local potential to expand vocational training, improve household economic capacity, and support microfinance for the Xtieng to proactively integrate into the labor market, rise from poverty to develop sustainably.

Keywords: Livelihood, Xtieng people, border area, Binh Phuoc province, Dong Nai province